

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Trang bị điện ngành điện tử (228272) - Nhóm 02**

CBGD: **Phạm Toàn Sinh (280034)**

Số SV có mặt: 14

Số bài thi: 14

Số tờ giấy thi: 14

Cán bộ coi thi 1 <i>Phạm Toàn Sinh</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Chí</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Toàn Sinh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Chí</i>
---	---------------------------------------	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121060023	NGUYỄN VĂN CHÁNH	30/03/2003	CCQ2106A		02	<i>Chánh</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121060001	PHẠM CÔNG CHIẾN	28/03/2003	CCQ2106A		12	<i>Chiến</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121060002	HUỖNH QUỐC CÔNG	08/06/2003	CCQ2106A		08	<i>Công</i>	9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121060036	HUỖNH TIẾN CƯỜNG	10/06/2003	CCQ2106B		05	<i>Cường</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2117060008	VÒNG TUẤN DŨNG	09/11/1999	CCQ1706A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121060015	DƯƠNG HOÀI ĐỨC	11/10/2003	CCQ2106A		10	<i>Đức</i>	8,0	9,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121060035	ĐẶNG THANH HIẾU	17/08/2003	CCQ2106A		07	<i>Hiếu</i>	6,0	8,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121060019	NGUYỄN MINH HIẾU	16/03/2003	CCQ2106A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121060032	NGUYỄN HOÀNG HUÂN	17/09/2002	CCQ2106A		14	<i>Huân</i>	8,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121060004	VÕ KHÁNH HƯNG	25/10/2003	CCQ2106A		07	<i>Hưng</i>	9,0	5,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121060005	BÙI THANH KHOA	22/01/2003	CCQ2106A		06	<i>Khoa</i>	9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121060006	HỨA THANH LONG	30/05/2000	CCQ2106A		02	<i>Long</i>	9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121060030	NGUYỄN MINH MỸ	06/02/2003	CCQ2106A		13	<i>Mỹ</i>	7,0	6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121060016	LÊ MINH QUANG	04/03/2003	CCQ2106A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121060042	TÔ VĂN SƠN	01/02/2003	CCQ2106B		2	<i>Sơn</i>	8,0	5,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121060014	LÊ NGỌC THÀNH	04/10/2003	CCQ2106A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121060047	TRẦN NGỌC THẮNG	10/02/2001	CCQ2106B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121060041	PHAN TRUNG TÍNH	28/10/2003	CCQ2106B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121060044	THẬP VŨ TRƯỜNG	13/01/2002	CCQ2106B		15	<i>Trường</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121060033	PHAN LONG VŨ	19/11/2003	CCQ2106A		14	<i>Vũ</i>	9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Trang bị điện trong máy cắt kim loại (228197) - Nhóm 05**

CBGD: **Phạm Toàn Sinh (280034)**

Số SV có mặt: 20
Số bài thi: 20
Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1 <i>Phạm Toàn Sinh</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Văn Khoa</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Toàn Sinh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Khoa</i>
---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120030145	HỒ GIA BẢO	24/10/2002	CCQ2003E		8	<i>Bảo</i>	7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120030146	TRẦN CHÍ DŨNG	27/12/2002	CCQ2003E		14	<i>Dũng</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120030140	TỬ CÔNG DƯ	19/11/2002	CCQ2003E		11	<i>Dư</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120030147	NINH ĐẮC DƯƠNG	30/12/2002	CCQ2003E		7	<i>Dương</i>	8,0	7,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120030150	PHẠM THÀNH HẬU	13/05/2002	CCQ2003E		2	<i>Thành</i>	8,0	9,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120030151	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	23/10/2002	CCQ2003E		15	<i>Hieu</i>	8,0	9,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120030142	NGUYỄN PHI HÙNG	11/11/2002	CCQ2003E		13	<i>Hùng</i>	7,0	6,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120030153	PHẠM KHANG HUY	02/06/2001	CCQ2003E		11	<i>Huy</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120030154	ĐÌNH QUANG KHÀI	12/09/2002	CCQ2003E		8	<i>Khai</i>	8,0	7,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120030155	PHAN CÔNG NAM	25/04/2002	CCQ2003E		5	<i>Nam</i>	8,0	9,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120030156	TRẦN MINH NGHĨA	17/06/2002	CCQ2003E		16	<i>Nghia</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120030161	LƯƠNG NGỌC PHÁT	12/07/2002	CCQ2003E		15	<i>Phat</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120030160	NGUYỄN CHÍ PHÁT	14/12/2002	CCQ2003E		2	<i>Phat</i>	8,0	5,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120030162	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	15/10/2002	CCQ2003E		15	<i>Phu</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120030163	TRẦN VĂN PHÚ	30/10/2002	CCQ2003E		13	<i>Phu</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120030164	TRẦN MINH QUANG	22/05/2002	CCQ2003E		7	<i>Quang</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120030165	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	09/01/2001	CCQ2003E		2	<i>Quoc</i>	9,0	5,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120030168	PHẠM QUỐC THẮNG	06/11/2002	CCQ2003E		6	<i>Thang</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120030169	PHAN NGUYỄN MINH THIÊN	21/03/2002	CCQ2003E		10	<i>Thien</i>	8,0	6,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120030172	LÊ THANH TOÀN	01/08/2002	CCQ2003E		14	<i>Toan</i>	8,0	9,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9